

Số: 499 /KH-UBND

Nghệ An, ngày 28 tháng 6 năm 2024

KẾ HOẠCH

Cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2025 - 2029

Thực hiện Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về Hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch với các nội dung như sau:

I. THỰC TRẠNG VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH KẾ HOẠCH

1. Thực trạng cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn

Hiện nay, tỉnh Nghệ An đã đầu tư và đưa vào sử dụng 561 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung (trong đó có 59 công trình hoạt động bền vững, 207 công trình hoạt động mức độ trung bình, 295 công trình hoạt động dưới mức trung bình). Tổng công suất thiết kế 79.985 m³/ngày.đêm, cấp nước cho hơn 118.000 người; Công suất khai thác hiện tại 39.972 m³/ngày.đêm, đảm bảo nguồn nước sinh hoạt cho khoảng 112.000 người và các điểm công cộng khu vực nông thôn. Gồm các loại hình: công trình tự chảy: 492 công trình; công trình bơm dẫn: 69 công trình. Đến nay, tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 88,8%.

Mô hình quản lý các công trình cấp nước tập trung nông thôn: Hiện nay Nghệ An có 05 loại hình quản lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. Trong tổng số 561 công trình cấp nước tập trung thì các công trình do UBND các xã quản lý vận hành là 249 công trình/561 công trình (chiếm 44%). Hình thức cộng đồng quản lý là 290 công trình/561 công trình (chiếm 52%); Các hình thức Hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp quản lý 22 công trình/561 công trình (chiếm 4%).

2. Sự cần thiết ban hành kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2025 - 2029

Để duy trì hoạt động bền vững của các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn đảm bảo, cung cấp nước ổn định, duy trì đủ áp lực, liên tục, đủ lượng nước, đảm bảo chất lượng nước theo quy chuẩn quy định góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe con người. Do tầm quan trọng của nước sạch đối với con người và để đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch an toàn, liên tục cho người dân phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, đảm bảo cấp nước an toàn liên tục; Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp

và PTNT về Hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn; lập và thực hiện kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn, trong đó cần phải cải tạo sửa chữa các công trình không hoạt động nhưng có khả năng cải tạo sửa chữa để đảm bảo tỷ lệ cấp nước nông thôn theo quy định.

Vì vậy việc ban hành Kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn nông thôn cấp tỉnh là cần thiết, nhằm xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, giải pháp thực hiện của các cơ quan liên quan để thực hiện thành công các mục tiêu của Chương trình quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn giai đoạn 2025 - 2029 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn nhằm quản lý rủi ro và khắc phục sự cố có thể xảy ra từ nguồn nước, cơ sở xử lý nước và hệ thống truyền dẫn, phân phối nước đến khách hàng sử dụng.

- Bảo đảm cung cấp nước liên tục, đủ lưu lượng, duy trì đủ áp lực, chất lượng nước góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ sức khỏe con người.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến hết năm 2025: Có 90% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh, trong đó có 55-56% dân số nông thôn được tiếp cận bền vững với nước sạch đạt quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày; nâng tỉ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung lên 30% trở lên; 100% công trình cấp nước tập trung hoạt động bình thường, trong đó 60% hoạt động bền vững.

- Đến năm 2030: Có 95-97% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh, trong đó có 60-65% dân số nông thôn được tiếp cận bền vững với nước sạch đạt quy chuẩn với số lượng tối thiểu 80 lít/người/ngày; nâng tỉ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung lên 50% trở lên; 100% công trình cấp nước tập trung hoạt động bình thường, trong đó 80% hoạt động bền vững.

- Tỷ lệ hệ thống cấp nước tập trung khu vực nông thôn trên toàn tỉnh lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đạt 10% trở lên.

3. Phạm vi đối tượng áp dụng

- Phạm vi thực hiện: Triển khai trong hoạt động dịch vụ sản xuất, cung cấp nước sạch sinh hoạt đối với hệ thống cấp nước tập trung nông thôn có công suất cấp nước sạch sinh hoạt từ 100m³/ngày.đêm trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc quản lý tài sản công trình cấp nước; vận hành, sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch sinh hoạt tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

4. Yêu cầu cơ bản của công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung bảo đảm cấp nước an toàn

- Bảo đảm cấp nước liên tục, ổn định, đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng theo quy định của pháp luật;

- Các hạng mục công trình thu, xử lý, trữ, phân phối nước sạch đến khách hàng được quản lý, vận hành, bảo dưỡng theo quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Có phương án kiểm soát các nguy hại, rủi ro, sự cố có thể xảy ra trong hệ thống từ nguồn nước đến khách hàng và biện pháp cấp nước dự phòng trường hợp xảy ra gián đoạn cấp nước trên 48 giờ;
- Có cơ chế quản lý tài chính rõ ràng, doanh thu đủ bù đắp chi phí và có tích lũy phục vụ công tác duy tu, sửa chữa nhỏ và khắc phục sự cố.
- Đảm bảo được cấp đăng ký, cấp phép khai thác sử dụng tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

III. NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện có hiệu quả cấp nước an toàn khu vực nông thôn

Tổ chức lập, phê duyệt Kế hoạch cấp nước an toàn đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh theo các văn bản, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Cục Thủy lợi về thực hiện Chương trình Quốc gia đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh; Đối với đơn vị cấp nước lập phê duyệt và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đối với công trình do đơn vị quản lý theo Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT;

2. Nâng cao và kiểm soát chất lượng nước sạch sinh hoạt:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch dùng cho sinh hoạt theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 30/06/2021 của UBND tỉnh Nghệ An (QCĐP 01:2021/NA);

- Bố trí huy động, lồng ghép các nguồn lực, đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp chất lượng cấp nước các công trình cấp nước bị hư hỏng xuống cấp nhằm cung ứng đầy đủ, liên tục và bảo đảm chất lượng nguồn nước sạch sinh hoạt phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, nhất là khu vực khó khăn về nguồn nước, vùng sâu, vùng xa;

3. Công tác quản lý, vận hành khai thác tài sản công trình cấp nước

- Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng công trình cấp nước tập trung nông thôn: Rà soát và phân loại công trình thực hiện việc giao công trình theo Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; các công trình đầu tư mới đề xuất được đơn vị quản lý tài sản, chịu trách nhiệm về tài sản được giao, vận hành khai thác công trình. Xử lý nghiêm các vi phạm về quản lý sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng công trình cấp nước;

- Quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước: Bảo vệ chất lượng nguồn nước nguyên liệu; xử lý nghiêm các vi phạm về xả thải, gây ô nhiễm nguồn nước, khai thác, sử dụng nguồn nước trái phép. Có phương án khai thác nguồn nước khác để thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt đang khai thác;

- Đầu tư xây dựng sửa chữa công trình cấp nước sạch tập trung quy mô lớn,

đồng bộ, liên xã, liên huyện, kết nối với hệ thống cấp nước đô thị ở những nơi phù hợp để đảm bảo công trình hoạt động hiệu quả, bền vững; ưu tiên sử dụng nguồn nước từ hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa, đập dâng cho cấp nước sinh hoạt;

- Rà soát các công trình hiện có không hoạt động và hoạt động kém hiệu quả để có các phương án xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo đúng quy định;

- Rà soát năng lực của các đơn vị cấp nước trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện để sắp xếp củng cố, kiện toàn đảm bảo năng lực quản lý công trình theo quy định.

4. Công tác thông tin tuyên truyền

Tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, công trình cấp nước và sử dụng nước sạch tiết kiệm, hiệu quả như: Đa dạng hóa các hình thức tổ chức tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân tích cực sử dụng các nguồn nước sạch sinh hoạt; nâng cao nhận thức về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, trách nhiệm bảo vệ nguồn nước và bảo vệ sức khỏe đến người sử dụng nước; Tổ chức tập huấn cho người trực tiếp quản lý, vận hành khai thác công trình nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý vận hành công trình.

5. Ứng dụng khoa học công nghệ

- Khuyến khích, ứng dụng tiến bộ khoa học trong đầu tư xây dựng, trong sản xuất, cung cấp nước sạch nông thôn bảo đảm chất lượng, an toàn, giảm tỷ lệ thất thoát nước và kịp thời ứng phó, xử lý sự cố;

- Ứng dụng công nghệ, giải pháp cấp nước và vệ sinh thân thiện với môi trường, không ảnh hưởng sức khỏe người dân, ưu tiên công nghệ đơn giản; tăng cường sử dụng vật liệu mới, vật liệu địa phương trong xây dựng công trình, bảo đảm chất lượng, kỹ thuật, mỹ quan và cảnh quan công trình.

IV. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC TẬP TRUNG NÔNG THÔN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẤP NƯỚC AN TOÀN

Danh mục các công trình cấp nước tập trung nông thôn thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2025 - 2029 gồm có 25 công trình (*Chi tiết có phụ lục kèm theo*).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn cấp tỉnh được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Đối với các đơn vị cấp nước có giá nước được tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý: Kinh phí lập và thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn của đơn vị cấp nước được tính vào giá thành sản xuất nước sạch theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt.

- Đối với các đơn vị cấp nước chưa có giá hoặc có giá chưa được tính đúng tính đủ các chi phí hợp lý: Khẩn trương xây dựng, lập phương án giá nước sạch theo đúng quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, hoàn chỉnh phương án giá theo quy định gửi Sở Tài chính

thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt để triển khai thực hiện.

- Lồng ghép vào các chương trình mục tiêu Quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Đối với các cơ quan quản lý nhà nước tham gia thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn cấp tỉnh sử dụng kinh phí từ nguồn chi thường xuyên của đơn vị hàng năm.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Ban hành tài liệu hướng dẫn, tổ chức tập huấn về xây dựng, trình phê duyệt kế hoạch cấp nước an toàn đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung; thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình;

- Tuyên truyền, hướng dẫn các đơn vị cấp nước, các hộ gia đình theo dõi, giám sát và duy trì số lượng, chất lượng nước;

- Xây dựng thông tin, dữ liệu bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn;

- Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện cấp nước an toàn cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Cục Thủy lợi theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch sinh hoạt nông thôn; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và phối hợp với các Sở, ngành hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị cấp nước và các cơ quan có liên quan trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch. Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Xây dựng

- Thực hiện nhiệm vụ cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch tại Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 03/5/2024 của UBND tỉnh Nghệ An;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung Kế hoạch đã đề ra.

3. Sở Y tế

- Tuyên truyền triển khai thực hiện đến các đơn vị liên quan cấp nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các đơn vị liên quan thường xuyên thanh tra, kiểm tra chất lượng chất lượng nước sau xử lý tại các đơn vị cấp nước.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Theo dõi, quản lý việc khai thác sử dụng nguồn nước, kiểm tra hướng dẫn việc “thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt” trên địa bàn tỉnh;

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh. Xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm nguồn nước và xả thải không đúng theo quy định.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân tích cực sử dụng các nguồn nước sạch; nâng cao nhận thức về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn, trách nhiệm bảo vệ nguồn nước và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ khả năng cân đối vốn, tham mưu bố trí kinh phí cho các dự án lĩnh vực cấp nước an toàn nông thôn trên địa bàn tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công. Phối hợp Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh và các Sở, ngành liên quan kêu gọi, thu hút nguồn lực đầu tư cho các chương trình, dự án lĩnh vực cấp nước an toàn nông thôn trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành thẩm định phương án giá nước sạch do các đơn vị cấp nước gửi, trình UBND tỉnh quyết định;

- Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm đảm bảo từ Ngân sách Nhà nước theo phân cấp hiện hành trong khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

8. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao tại kế hoạch này;

- Hằng năm tổng hợp kế hoạch cải tạo, sửa chữa các công trình thuộc UBND cấp xã quản lý, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định;

- Chỉ đạo UBND các xã được giao tài sản hoặc tạm quản lý, khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn xây dựng phương giá nước trình thẩm định, phê duyệt theo quy định;

- Phối hợp với đơn vị chức năng của tỉnh rà soát năng lực của các đơn vị cấp nước trên địa bàn quản lý, đề xuất cấp có thẩm quyền sắp xếp củng cố, kiện toàn đảm bảo năng lực quản lý công trình theo quy định;

- Hằng năm báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn quản lý gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

9. Các đơn vị cấp nước sạch sinh hoạt nông thôn

- Theo hướng dẫn Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT đề xuất, lập và thực hiện Kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn của hệ thống, công trình cấp nước sạch nông thôn do đơn vị mình quản lý; thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định;

- Hằng năm lập kế hoạch cải tạo, sửa chữa các công trình được giao quản lý gửi UBND huyện tổng hợp (đối với các công trình do UBND cấp xã quản lý), gửi

Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp (đối với các công trình do Doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp công lập quản lý);

- Hằng năm xây dựng phương án giá nước và cấp bù giá hoặc trợ giá nước (nếu có) các công trình được giao quản lý trình Sở Tài chính thẩm định;

- Thành lập nhóm cấp nước an toàn, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn theo kế hoạch đã được phê duyệt (sau 2 năm đầu thực hiện kế hoạch hoặc trong quá trình thực hiện kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn nếu có những biến đổi lớn về nguồn nước, về hệ thống cấp nước hoặc hộ sử dụng nước phải xem xét điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cấp nước an toàn cho phù hợp với thực tế);

- Bảo vệ nguồn nước do đơn vị trực tiếp khai thác, sử dụng; theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình. Trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác nước của công trình và các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác thì phải kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý;

- Có phương án khai thác nguồn nước khác để thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt đang khai thác.

Yêu cầu các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, đơn vị cấp nước và các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả. Định kỳ **trước ngày 15/12 hàng năm** báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Nông nghiệp và PTNT; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) để được chỉ đạo, hướng dẫn. /

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NN (Hung).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ